TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ TÚ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Lâm.

Bà Sơn Thị Vành Đa.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Kim Yến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2018/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Quang H1, sinh năm 1983; cư trú tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Thái Thị Cẩm H2, sinh năm 1993; cư trú tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 8 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn anh Phạm Quang H1 trình bày:

Vào tháng 12 năm 2012, anh Phạm Quang H1 và chị Thái Thị Cẩm H2 tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 147/2012, quyển số 1/2012 ngày 24

tháng 12 năm 2012. Sau khi kết hôn, anh H1 và chị H2 chung sống với cha, mẹ chị H2 tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Anh H1 và chị H2 chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 5 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H2 đòi đi làm tại Thành phố Hồ Chí Minh nhưng anh H1 không đồng ý nên chị H2 và anh H1 không còn sống chung từ tháng 5 năm 2013 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống, anh H1 và chị H2 không có con chung, không có nợ chung; về tài sản chung thì anh H1 và chị H2 tự thỏa thuận.

Nay anh Phạm Quang H1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh Phạm Quang H1 yêu cầu được ly hôn với chị Thái Thị Cẩm H2.

- Về con chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh H1 và chị H2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 291/TB-TLVA ngày 13 tháng 8 năm 2018, tống đạt hợp lệ cho bị đơn chị Thái Thị Cẩm H2, nhưng chị H2 không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của anh H1. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ 02 lần đối với chị H2 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H2 đều vắng mặt không có lý do, nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của chị H2 trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, xét thấy nguyên đơn, bị đơn đã mâu thuẫn với nhau do bất đồng ý kiến, không còn sống chung với nhau thời gian dài, không hàn gắn được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn. Về án phí nguyên đơn có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn. Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Quang H1 cư trú tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang; chị Thái Thị Cẩm H2 cư trú tại ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Anh H1 có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị H2. Anh H1 đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện M đã thụ lý đơn và thông báo cho anh H1 nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và anh H1 đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của anh Phạm Quang H1 là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với bị đơn chị Thái Thị Cẩm H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Thái Thị Cẩm H2.

[2] Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quang H1, sinh năm 1983 và chị Thái Thị Cẩm H2, sinh năm 1993 tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 147/2012, quyển số 1/2012 ngày 24 tháng 12 năm 2012 nên quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Quang H1 và chị Thái Thị Cẩm H2 là hợp pháp.

[4] Xét lý do xin ly hôn của anh Phạm Quang H1, Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng anh H1, chị H2 hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, vợ, chồng cãi vã nhau làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến tháng 5 năm 2013, thì anh H1, chị H2 không còn sống chung cho đến nay và anh H1, chị H2 đã bỏ mặc nhau làm cho tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H1.

[5] Về con chung: Anh Phạm Quang H1 xác định không có con chung với chị Thái Thị Cẩm H2, anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Anh Phạm Quang H1 và chị Thái Thị Cẩm H2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Anh Phạm Quang H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Anh Phạm Quang H1 là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, anh H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Quang H1 và chị Thái Thị Cẩm H2 được ly hôn.

2. Về con chung: Anh Phạm Quang H1 xác định không có con chung với chị Thái Thị Cẩm H2, anh H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung: Anh Phạm Quang H1 và chị Thái Thị Cẩm H2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Anh Phạm Quang H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí: Anh Phạm Quang H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/ 0003457 ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, anh Phạm Quang H1 đã nộp xong án phí.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo

tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện M;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn